TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2020/KDTM-ST
Ngày: 29 - 5 - 2020.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tám.

2. Bà Hoàng Thị Lê Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 29-5-2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q. Địa chỉ: 2x đường C, phường L, quận Đ, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Hữu Đ - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp: ông Lê Văn S - Chuyên viên xử lý nợ, Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Q. (có mặt)

(Văn bản ủy quyền số 4890/UQ-QAMC ngày 14/3/2018)

2. Bị đơn: Công ty TNHH C. Địa chỉ: 29K4 Trung tâm thương mại, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Người đại diện theo pháp luật: ông Bùi Viễn C - Giám đốc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Lê Văn S trình bày:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7-2016 đến tháng 01-2017 Công ty TNHH C (viết tắt: Công ty C) ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (viết tắt: Ngân hàng Q) với 07 hợp đồng tín dụng cùng 07 khế ước nhận nợ; thời hạn vay 5 năm; mục đích vay mua và thế chấp xe ô tô. Thứ tự các hợp đồng tín dụng từ 1 đến 7 như sau:

- Hợp đồng 1: số 9108.16.551.1303607.TD và khế ước nhận nợ số LD1618348332 cùng ngày 01-7-2016, số tiền vay 1.869.000.000đ được chia thành 60 kỳ trả nợ, mỗi kỳ 31.150.000đ; lãi suất thả nổi tại thời điểm vay 10,8%/năm, 3 tháng điều chỉnh 1 lần; tài sản thế chấp 01 xe ô tô hiệu Toyota Sienna Le; biển kiểm soát 51F-716.02; số máy 7276901; số khung 5TDKK3DC2DS380728; theo hợp đồng thế chấp số 9109.16.551.1303607.BĐ và được đăng ký bảo đảm cùng ngày 01-7-2016.

- Hợp đồng 2: số 9607.16.551.1303607.TD ngày 11-7-2016 và khế ước nhận nợ số LD1619495980 ngày 12-7-2016, số tiền vay 850.000.000đ được chia thành 60 kỳ trả nợ, mỗi kỳ 14.160.000đ, kỳ thứ 60 là 14.560.000đ; lãi suất thả nổi tại thời điểm vay 10,8%/năm, 3 tháng điều chỉnh 1 lần; tài sản thế chấp 01 xe ô tô hiệu Kia Sorento biển kiểm soát 51F-733,29; số máy G4KEFH723420; số khung RNYXM51A6 GC080423 theo hợp đồng thế chấp số 9108.16.551.1303607.BĐ và được đăng ký bảo đảm cùng ngày 12-7-2016.

- Hợp đồng 3: số 18105.16.551.1303607.TD ngày 08-9-2016 và khế ước nhận nợ số LD1625630267 ngày 12-9-2016, số tiền vay 850.000.000đ000đ được chia thành 60 kỳ trả nợ, mỗi kỳ 14.160.000đ, kỳ thứ 60 là 14.560.000đ; lãi suất thả nổi tại thời điểm vay 10,8%/năm, 3 tháng điều chỉnh 1 lần; tài sản thế chấp 01 xe ô tô hiệu Kia số loại Sorento; biển kiểm soát 51F-793.26; số máy G4KEGH726199; số khung RNYXM51A6GC080123 theo hợp đồng thế chấp số 18106.16.551. 1303607.BĐ và được đăng ký bảo đảm cùng ngày 09-9-2016.

- Hợp đồng 4: số 13926.16.551.1303607.TD ngày 16-9-2016 và khế ước nhận nợ số LD1626310714 ngày 19-9-2016, số tiền vay 1.100.000.000đ được chia thành 60 kỳ trả nợ, mỗi kỳ 18.300.000đ, kỳ thứ 60 là 20.300.000đ; lãi suất thả nổi tại thời điểm vay 10,8%/năm, 3 tháng điều chỉnh 1 lần; tài sản thế chấp 01 xe ô tô hiệu Kia số loại Sedona; biển kiểm soát 51F-903.54; số máy D4HBGH729781; số khung RNYYH52A6GC 083967 theo hợp đồng thế chấp số 13927.16.551.1303607.BĐ và được đăng ký bảo đảm cùng ngày 16-9-2016.

- Hợp đồng 5: số 24133.16.551.1303607.TD ngày 08-11-2016 và khế ước nhận nợ số LD1631440583 ngày 09-11-2016, số tiền vay 840.000.000đ được chia thành 60 kỳ trả nợ, mỗi kỳ 14.000.000đ; lãi suất thả nổi tại thời điểm vay 10,8%/năm, 3 tháng điều chỉnh 1 lần; tài sản thế chấp 01 xe ô tô hiệu Kia số loại Sorento; biển kiểm soát 51F-970.01; số máy G4KEFH723388; số khung RNYXM 51A6GC081384 theo hợp đồng thế chấp số 24134.16.551.1303607.BĐ ngày 08-11-2016, được đăng ký bảo đảm ngày 09-11-2016.

- Hợp đồng 6: số 24880.16.551.1303607.TD và khế ước nhận nợ số LD1632609576 cùng ngày 21-11-2016, số tiền vay 1.120.000.000đ được chia thành 60 kỳ trả nợ, mỗi kỳ 18.600.000đ, kỳ thứ 60 là 22.600.000đ; lãi suất thả nổi tại thời

điểm vay 10,8%/năm, 3 tháng điều chỉnh 1 lần; tài sản thế chấp 01 xe ô tô hiệu Kia số loại Sedona; biển kiểm soát 51F-986.42; số máy D4HBGH743667; số khung RNYYH52A6GC 091711, theo hợp đồng thế chấp số 24883.16.551.1303607.BĐ và được đăng ký bảo đảm cùng ngày 21-11-2016.

- Hợp đồng 7: số 522.17.551.1303607.TD ngày 16-01-2017 và khế ước nhận nợ số LD1701817016 ngày 18-01-2017, số tiền vay 908.000.000đ được chia thành 60 kỳ trả nợ, mỗi kỳ 15.130.000đ, kỳ thứ 60 là 15.330.000đ; lãi suất thả nổi tại thời điểm vay 10,5%/năm, 3 tháng điều chỉnh 1 lần; tài sản thế chấp 01 xe ô tô hiệu Kia số loại Sedona; biển kiểm soát 51F-986.42; số máy D4HBGH743667; số khung RNYYH52A6GC 091711, theo hợp đồng thế chấp số 523.17.551.1303607.BĐ ngày 16-01-2017, được đăng ký bảo đảm ngày 17-01-2017.

Công ty C đã được giải ngân của 7 hợp đồng với tổng số tiền 7.537.000.000đ. Quá trình thực hiện Công ty C đã trả được một phần gốc và lãi. Đến ngày 12-9-2019 còn nợ của 7 hợp đồng gồm: gốc 6.512.431.947đ và lãi 1.822.554.603đ. Ngân hàng Q đã gửi nhiều thông báo yêu cầu Công ty C trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định nhưng phía Công ty đều không thực hiện theo yêu cầu. Do Công ty C đã không thực hiện trả nợ theo kỳ như cam kết trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ dẫn đến khoản vay chuyển sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 29-5-2020 Công ty C còn nợ Ngân hàng Q: Khế ước LD1618348332: gốc 1.557.495.854đ, lãi 607.425.857đ; Khế ước LD1619495980: gốc 708.400.000đ, lãi 276.625.397đ; Khế ước LD1625630267: gốc 736.720.000đ, lãi 293.374.318đ; Khế ước LD1626310714: gốc 953.600.000đ, lãi 369.809.558đ; Khế ước LD1631440583: gốc 734.600.000đ, lãi 291.165.812đ; Khế ước LD1632609576: gốc 989.800.000đ, lãi 365.927.367đ; Khế ước LD1701817016: gốc 333.060.000đ, lãi 192.9280060đ. Tổng cộng nợ gốc 6.014.221.854đ và lãi 2.397.256.399đ. Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty C thanh toán cho Ngân hàng tiền nợ gốc và lãi của 7 hợp đồng là 8.411.478.253đ; trong đó, nợ gốc 6.014.221.854đ và lãi 2.397.256.399đ. Công ty TNHH C phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 30-5-2020 cho đến khi thanh toán xong nợ;

Trường hợp Công ty C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Bị đơn Công ty TNHH C: Tòa án thông báo thụ lý vụ án và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với các yêu cầu của nguyên đơn đã được thông báo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệp tập hợp lệ lần hai tham gia phiên

tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tùng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ được ký kết giữa các bên, có cơ sở xác định Công ty C có ký 7 hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng Q 7.537.000.000đ và đã được giải ngân đúng sự thật; mục đích vay để mua xe ô tô; thời hạn vay 5 năm; lãi suất tại thời điểm giải ngân của hợp đồng 1 đến hợp đồng 6 là 10,8/năm và hợp đồng 7 là 10,5%/năm, được điều chỉnh 3 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng Q, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Phương thức trả gốc và lãi theo kỳ (mỗi tháng một kỳ). Đại diện Ngân hàng xác nhận Công ty C đã thanh toán 1 phần gốc và lãi và yêu cầu Công ty C phải trả gốc và lãi của 7 hợp đồng tính đến ngày 29-5-2020 là 8.411.478.253đ (trong đó, nợ gốc 6.014.221.854đ và lãi 2.397.256.399đ) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký. Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C đã vi phạm kỳ hạn trả nợ gốc và lãi đã thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc Công ty TNHH C phải trả cho Ngân hàng TMCP Q 8.411.478.253đ (trong đó, nợ gốc 6.014.221.854đ và lãi 2.397.256.399đ); Công ty C còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc từ ngày 30-5-2020 cho đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng.

[3] Xét các hợp đồng thế chấp tài sản giữa các đương sự: Để bảo đảm cho các khoản vay trên Công ty C thế chấp cho Ngân hàng Q 07 chiếc xe ô tô gồm: hiệu Toyota Sienna, biển kiểm soát 51F-716.02; hiệu Kia Sorento, biển kiểm soát 51F-733.29; hiệu Kia Sorento, biển kiểm soát 51F-793.26; hiệu Kia Sedona, biển kiểm soát 51F-903.54; hiệu Kia Sedona biển kiểm soát 51F-970.01; hiệu Kia Sedona, biển kiểm soát 51F-986.42; hiệu Toyota Innova biển kiểm soát 51G-269.20; tương ứng với 07 hợp đồng: số 9109.16.551.1303607.BĐ, ngày 01-7-2016; số 9608.16. 551.1303607.BĐ ngày 11-7-2016; số 18106.16.551.1303607.BĐ, ngày 08-9-2016; số 13927.16.551. 1303607.BĐ, ngày 16-9-2016; số 24134.16.551. 1303607.BĐ, ngày 08-11-2016; số 24883.16.551.1303607.BĐ, ngày 21-11-2016; số 523.17.551. 1303607.BĐ, ngày 16-01-2017. Xét thấy, các hợp đồng thế chấp đều được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định nên có giá trị bảo đảm cho việc thanh toán. Đo đó, trường hợp Công ty C không trả nợ thì Ngân hàng Q được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

[4] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty TNHH C phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số nợ phải trả 8.411.478.253đ là 115.551.447đ.

- Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với Công ty TNHH C về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng:

1. Buộc Công ty TNHH C phải trả cho Ngân hàng TMCP Q tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29-5-2020 là 8.411.478.253đ (Tám tỷ, bốn trăm mười một triệu, bốn trăm bảy mươi tám ngàn hai trăm năm mươi ba đồng). Trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số 9108.16.551.1303607.TD: nợ gốc 1.557.495.854đ và nợ lãi 607.425.857đ.

- Hợp đồng tín dụng số 9607.16.551.1303607.TD: nợ gốc 708.400.000đ và nợ lãi 276.625.397đ.

- Hợp đồng tín dụng số 18105.16.551.1303607.TD: nợ gốc 736.720.000đ và nợ lãi 2293.374.318đ.

- Hợp đồng tín dụng số 13926.16.551.1303607.TD: nợ gốc 953.600.000đ và nợ lãi 369.809.558đ.

- Hợp đồng tín dụng số 24133.16.551.1303607.TD: nợ gốc 734.600.000đ và nợ lãi 291.165.812đ.

- Hợp đồng tín dụng số 24880.16.551.1303607.TD: nợ gốc 989.800.000đ và nợ lãi 365.927.367đ.

- Hợp đồng tín dụng số 522.17.551.1303607.TD: nợ gốc 333.060.000đ và nợ lãi 192.9280060đ.

2. Công ty TNHH C phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Q từ ngày 30-5-2020 cho đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 9108.16.551. 1303607.TD, ngày 01-7-2016; số 9607.16.551.1303607.TD, ngày 11-7-2016; số 18105.16.551.1303607.TD, ngày 08-9-2016; số 13926.16.551.1303607.TD, ngày 16-9-2016; số 24133.16.551.1303607.TD, ngày 08-11-2016; số 24880.16.551. 1303607.TD, ngày 21-11-2016 và số 522.17.551.1303607.TD, ngày 16-01-2017.

3. Trường hợp Công ty TNHH C không trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là 07 chiếc xe ô tô gồm: hiệu Toyota Sienna, biển kiểm soát 51F-716.02; hiệu Kia Sorento, biển kiểm soát 51F-733.29; hiệu Kia Sorento, biển kiểm soát 51F-793.26; hiệu Kia Sedona, biển kiểm soát 51F-903.54; hiệu Kia Sedona biển kiểm soát 51F-970.01; hiệu Kia Sedona, biển kiểm soát 51F-986.42; hiệu Toyota Innova biển kiểm soát 51G-269.20; tương ứng với 07 hợp đồng: số 9109.16.551.1303607.BĐ, ngày 01-7-2016; số 9108.16. 551.1303607.BĐ ngày 11-7-2016; số 18106.16.551.1303607.BĐ, ngày 08-9-2016; số 13927.16.551. 1303607.BĐ, ngày 16-9-2016; số 24134.16.551. 1303607.BĐ, ngày 08-11-2016; số 24883.16.551.1303607.BĐ, ngày 21-11-2016; số 523.17.551. 1303607.BĐ, ngày 16-01-2017.

4. Án phí:

- Công ty TNHH C phải nộp 115.551.447đ (Một trăm mười lăm triệu, năm trăm năm mươi mốt ngàn, bốn trăm bốn mươi bảy đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003458 ngày 16-12-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Trí Thức